

Bản án số: **238/2026/DS-ST**

Ngày: 09-7-2026

V/v tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Tùng.

Bà Đặng Thị Tiềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Trần Khắc Huy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 127/2026/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 303/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 210/2026/QĐST – DS ngày 29 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công Ty Cổ phần M.

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B T, phường Y, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Ngọc D - Chức vụ: Trưởng Phòng xử lý nợ miền nam.

(Theo văn bản ủy quyền số: 04/2025/UQ-TGD ngày 29/8/2025)

Người được ông Võ Ngọc D ủy quyền lại: Anh Nguyễn Phước D1 – Chuyên viên xử lý nợ M (có mặt).

CCCD số: 093097003434.

Địa chỉ: Số A đường H, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo văn bản ủy quyền số: 1006/2026/UQ-XLN-JUPITERMN ngày 01/6/2026)

Ngân hàng TMCP V (V1).

Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D2 - Chức vụ: Chủ tịch Hội Đồng Quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T1 - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Pháp lý khách hàng cá nhân.

(Theo văn bản ủy quyền số: 30/2025/UQN-CTQT ngày 28/7/2025)

Người được ông T1 ủy quyền lại: Anh Vương Lê Vĩnh N – Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ (xin vắng mặt).

CC số: 092086003041.

Địa chỉ: Tầng C, số E T, phường C, thành phố Cần Thơ.

(Theo văn bản ủy quyền lập ngày 06/01/2025)

- Bị đơn: Ông Đặng Quốc T2, sinh năm 1984 (vắng mặt).

CCCD số: 082084020767.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công Ty Cổ phần M (gọi tắt là Công Ty M) và Ngân hàng TMCP V (V1) trình bày: Theo Hợp đồng mua bán nợ số 17/2024/VPB-JUPITER, Hợp đồng chuyển nhượng số: 18/2024/VPB-JUPITER và phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V với Công Ty Cổ phần M lập cùng ngày 27/12/2024, thì V1 đồng ý bán và Công Ty Cổ phần M đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Đặng Quốc T2, bao gồm khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Đặng Quốc T2 đã ký kết với V1. Thông tin các khoản nợ cụ thể như sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số LN2306079384005 ngày 12/6/2023, ông Đặng Quốc T2 vay vốn tại V1 số tiền 3.950.000.000 đồng, thời hạn vay: 300 tháng, mục đích vay: vay mua bất động sản tại thửa đất số 156, tờ bản đồ 34, địa chỉ ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Theo Hợp đồng cho vay hạn mức thẻ tín dụng số 377-P-9761993 mở ngày 17/6/2023, ông Đặng Quốc T2 vay vốn tại V1 với hạn mức là 197.500.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất số 156, tờ bản đồ 34 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 913115, số vào sổ CS08199 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 16/8/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đặng Quốc T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với tất cả các hợp đồng cho vay trên từ ngày 15/6/2024 nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

Theo Hợp đồng mua bán nợ số 17/2024/VPB–JUPITER, Hợp đồng chuyển nhượng số: 18/2024/VPB-JUPITER cùng ngày 27/12/2024 và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V với Công Ty Cổ phần M thì V1 đồng ý bán và Công Ty Cổ phần M đồng ý mua khoản nợ của khách hàng vay là ông Đặng Quốc T2, cụ thể:

+ Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LN2306079384005 ngày 12/6/2023.

+ Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 377-P-9761993 – Thẻ tín dụng.

Quá trình xử lý khoản vay, V1 và Công ty M đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông Đặng Quốc T2 thực hiện nghĩa vụ khoản vay cho VPBank/Công ty Jupiter, tuy nhiên ông T2 không thực hiện.

Nay V1 và Công ty M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Đặng Quốc T2 phải thanh toán cho J số tiền tạm tính đến ngày 09/7/2026 là 5.569.150.122 đồng (trong đó nợ gốc 3.751.883.341 đồng, nợ lãi trong hạn 224.407.336 đồng, nợ lãi quá hạn 1.370.963.836 đồng, lãi chậm trả 46.418.504 đồng).

Buộc ông Đặng Quốc T2 phải thanh toán cho V1 số tiền tạm tính đến ngày 09/7/2026 là 577.421.075 đồng (trong đó nợ gốc 395.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 24.934.148 đồng, nợ lãi quá hạn 152.329.315 đồng, lãi chậm trả 5.157.612 đồng).

Đề nghị tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Đặng Quốc T2 thực toán hết nợ cho Công Ty M và V1. Lãi phát sinh phải trả cho J và V1 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Kể từ ngày Bản án/ Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Đặng Quốc T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho J và V1 thì J và /hoặc V1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số: LN2306079384005/HĐTC ngày 21/6/2023 để thu hồi khoản nợ cho M và/hoặc V1. Số tiền thu được từ việc kê biên phát mãi tài sản bảo đảm sẽ được thanh toán cho J và V1 theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mãi không đủ trả nợ, Jupiter và/hoặc V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mãi các tài sản khác của ông Đặng Quốc T2 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho J và/hoặc V1 cho đến khi thực tế trả hết nợ.

Buộc ông Đặng Quốc T2 phải chịu tiền án phí và chi phí tố tụng khác (nếu có).

Bị đơn ông Đặng Quốc T2 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự “Hợp đồng tín dụng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp.

[2] Đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP V - anh Vương Lê Vĩnh N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đặng Quốc T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tòa án xét xử vắng mặt anh N và ông T2.

[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Xét hợp đồng tín dụng số LN2306079384005 ngày 12/6/2023. Theo đó, ông Đặng Quốc T2 vay của V1 số tiền 3.950.000.000 đồng, thời hạn vay: 300 tháng, mục đích vay: mua bất động sản tại thửa đất số 156, tờ bản đồ 34, địa chỉ ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

[3.2] Xét hợp đồng cho vay hạn mức thẻ tín dụng số 377-P-9761993 ngày 17/6/2023. Theo đó, ông Đặng Quốc T2 có vay của V1 197.500.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng.

Các hợp đồng này được ký kết với nhau trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là các giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng, ông Đặng Quốc T2 có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại các thửa đất số 156, tờ bản đồ 34, diện tích 313,9m² tại ấp M, xã T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo hợp đồng thế chấp tài sản số LN 2306079384005/HĐTC ngày 21/6/2023. Hợp đồng thế chấp trên được thực hiện đúng quy định tại Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính Phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm nên hợp pháp.

[3.3] Xét, Hợp đồng mua bán nợ số 17/2024/VPB - JUPITER, Hợp đồng chuyển nhượng số:18/2024/VPB-JUPITER và phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V với Công Ty Cổ phần M. Qua hợp đồng mua bán nợ, các đương sự thỏa thuận Ngân hàng bán 90% khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LN2306079384005 ngày 12/6/2023, còn giữ lại 10% nợ; 100% khoản nợ phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 377-P-9761993 của ông Đặng Quốc T2 cho bên Công ty M. Xét, hợp đồng mua bán nợ của ngân hàng với công ty M ký kết hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo đúng quy định của pháp luật nên giao dịch giữa các bên có hiệu lực pháp luật.

Theo nguyên đơn trình bày, quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đặng Quốc T2 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Tính đến ngày 09/7/2026, ông Đặng Quốc T2 còn nợ Ngân hàng V1 577.421.075 đồng (trong

đó nợ gốc 395.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 24.934.148 đồng, nợ lãi quá hạn 152.329.315 đồng, lãi chậm trả 5.157.612 đồng); nợ Công ty M 5.569.150.122 đồng (trong đó nợ gốc 3.751.883.341 đồng, nợ lãi trong hạn 224.407.336 đồng, nợ lãi quá hạn 1.370.963.836 đồng, lãi chậm trả 46.418.504 đồng).

[3.4] Bị đơn ông Đặng Quốc T2 đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng không nộp bản tự khai; không đưa ra tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của nguyên đơn và vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa là đã từ bỏ quyền lợi của mình, đồng thời đây cũng là những tình tiết và sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Do đó, buộc ông Đặng Quốc T2 phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng V1 và Công Ty M toàn bộ khoản nợ trên theo quy định tại 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017. Và việc nguyên đơn yêu cầu đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ là có căn cứ theo quy định tại khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự 2015 và phù hợp với các thỏa thuận của hợp đồng thế chấp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 7 Điều 323, Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, khoản 3 Điều 98 của sửa đổi, bổ sung năm 2017; Các Điều 7, 8 và 13, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công Ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V.

Buộc ông Đặng Quốc T2 phải trả cho Công Ty Cổ phần M tổng số tiền là 5.569.150.122 đồng (trong đó nợ gốc 3.751.883.341 đồng, nợ lãi trong hạn 224.407.336 đồng, nợ lãi quá hạn 1.370.963.836 đồng, lãi chậm trả 46.418.504 đồng).

Buộc ông Đặng Quốc T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền là 577.421.075 đồng (trong đó nợ gốc 395.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 24.934.148 đồng, nợ lãi quá hạn 152.329.315 đồng, lãi chậm trả 5.157.612 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (10/7/2026) cho đến khi thi hành án xong, ông Đặng Quốc T2 còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng số LN2306079384005, khế ước nhận nợ ngày 12/6/2023, hợp đồng số 377-P-9761993 ngày 17/6/2023 tương ứng với tỷ lệ của J và V1 đối với từng khoản nợ.

Nếu ông Đặng Quốc T2 thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Công Ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V mà không phải xử lý kê biên, bán đấu giá tài sản thì Công Ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Quốc T2 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CI 913115, sổ vào sổ cấp GCN: CS 08199 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 16/08/2017; cập nhật thay đổi thông tin chủ sở hữu/sử dụng lần cuối cùng ngày 19/6/2023 cho ông Đặng Quốc T2.

Nếu ông Đặng Quốc T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Công Ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V thì Công Ty Cổ phần M và Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số LN 2306079384005/HĐTC ngày 21/6/2023 để thu hồi nợ theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì ông Đặng Quốc T2 còn phải thanh toán tiếp cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí: Ông Đặng Quốc T2 phải chịu 114.146.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Công Ty Cổ phần M 56.638.496 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004197 ngày 25/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8 và Điều 36 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSNDKV4 - Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni